

GIÁO VIÊN TIỂU HỌC NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ VỚI VẤN ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

TRẦN THỊ YÊN
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Đặt vấn đề

Nghị quyết 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2003, Hội nghị TW8 (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chỉ rõ: “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo”. Quan điểm chỉ đạo của Đảng đã khẳng định vai trò then chốt của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đối với sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam.

Để thực hiện đổi mới giáo dục ở vùng dân tộc và miền núi, chúng ta cần phát huy nội lực, xây dựng nguồn nhân lực sư phạm ngay tại các địa phương. Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giáo dục giai đoạn 2011 - 2020 xác định giải pháp phát triển nguồn giáo viên (GV) người dân tộc thiểu số (DTTS): “Đối với các vùng khó khăn, hoàn thiện chính sách tạo nguồn tuyển sinh sư phạm cho người DTTS ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Nâng cao hiệu quả chế độ cử tuyển để tăng nhanh số lượng giáo viên là người dân tộc trong các trường đại học và cao đẳng sư phạm, từ đó tăng số lượng GV là người DTTS”.

Nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của đội ngũ GV người DTTS với việc nâng cao chất lượng giáo dục vùng dân tộc; những bất cập của họ để từ đó có giải pháp nâng cao năng lực cho GV người DTTS là yêu cầu tất yếu của đổi mới giáo dục vùng dân tộc. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đề cập đến các vấn đề nêu trên đối với GV tiểu học (GVTH) người DTTS:

1. Vai trò của giáo viên người dân tộc thiểu số trong giáo dục tiểu học

1.1. Là lực lượng chủ yếu thực hiện nội dung, chương trình giáo dục tiểu học

Ở các địa phương vùng dân tộc, người DTTS chiếm đa số trong lực lượng dân cư, học sinh (HS) người dân tộc chiếm đa số trong các trường học, có nhiều xã có tới 100% HS người DTTS. Ở các trường tiểu học vùng dân tộc, GV người DTTS chiếm tỉ lệ cao, đây là lực lượng chủ yếu để thực hiện nội dung, chương trình giáo dục.

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2011 - 2012 HS tiểu học người DTTS chiếm tỉ lệ khoảng 17,23%, GVTH người DTTS chiếm tỉ lệ 12,76% tổng số GV và tỉ lệ này tăng dần hàng năm (bảng số liệu).

Sự gia tăng về số lượng GVTH người DTTS từ 11,03% (năm 2007 - 2008) lên 12,76% (năm 2011 - 2012) khẳng định sự phát triển về số lượng đội ngũ GV người DTTS. Sự tương đương về tỉ lệ HS và GV cho chúng ta thấy trong thời gian không xa tỉ lệ này tiến gần đến nhau, nghĩa là GV người DTTS đủ số lượng để đảm nhận toàn bộ việc thực hiện nội dung chương trình giáo dục tiểu học ở vùng dân tộc. Khi đó, đội ngũ GV người DTTS sẽ là lực lượng quyết định trực tiếp chất lượng giáo dục ở vùng dân tộc.

1.2. Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học

Thực hiện nội dung, chương trình giáo dục tiểu học ở vùng dân tộc, khó khăn lớn nhất là vấn đề ngôn ngữ. HS là người DTTS khi ở nhà và trong sinh hoạt cộng đồng, ngôn ngữ mà các em sử dụng là tiếng dân tộc (được gọi là tiếng mẹ đẻ); đến trường các em giao tiếp với thầy cô và tiếp thu kiến thức bằng tiếng Việt (được gọi là ngôn ngữ thứ hai). GV là người dân tộc sẽ giúp cho các em gỡ bỏ “rào cản” ngôn ngữ trong giao tiếp và dạy - học. Giữa GV và HS trong quá trình dạy - học trở nên dễ dàng và gần gũi hơn, khoảng cách giữa GV và HS dần được thu hẹp. HS được tiếp cận kiến thức bằng cả tiếng Việt và tiếng dân tộc. Trong dạy học, những nội dung kiến thức HS không hiểu do hạn chế về tiếng Việt, GV có thể dùng tiếng dân tộc để giải thích cho các em; và ngược lại khi hiểu được nội dung nhờ tiếng dân tộc sẽ tăng cường khả năng tiếng Việt cho HS. Đặc biệt là những lớp đầu cấp Tiểu học. Vai trò của GV người DTTS hết sức quan trọng, giúp HS tiếp thu được kiến thức; HS đi học chuyên cần hơn, tự tin hơn và đặc biệt thích đến trường, đến lớp. Kết quả này đạt được vì GV có cùng ngôn ngữ đã nói và hiểu được các em muốn gì;

- Khi GV là người DTTS sẽ hiểu rõ được tâm, sinh

Bảng số liệu GVTH và tỉ lệ GVTH người DTTS

GVTH/năm học	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
GV cả nước	344,853	347,840	347,840	359,039	366,045
GV người DTTS	38,057	39,360	40,448	43,552	46,739
Tỉ lệ % GV người DTTS	11,03	11,31	11,62	12,13	12,76

lí HS dân tộc. Hiểu được đối tượng, GV có thể lựa chọn những phương pháp, hình thức dạy học đặc thù phù hợp với HS. Ví dụ HS người DTTS ngại thể hiện mình trước đông người, GV tạo cơ hội để các em được giao tiếp, được nói, được thể hiện thông qua hoạt động nhóm. HS người DTTS thích màu sắc, GV nên sử dụng phấn màu để gạch chân những nội dung học tập cần nhấn mạnh, sử dụng những đồ dùng trực quan gần gũi với các em được tạo ra từ chính địa phương nơi các em sinh sống hỗ trợ cho việc giảng dạy đạt hiệu quả,...

- GV trở thành nhân tố quan trọng trong xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập, thân thiện, vì họ hiểu rõ văn hóa, phong tục tập quán dân tộc. GV và HS cùng sử dụng một ngôn ngữ nhanh chóng tạo nên sự hiểu biết, chia sẻ lẫn nhau, HS tìm thấy ở GV sự gần gũi và tin tưởng, xóa bỏ khoảng cách giữa cô và trò.

1.3. Tuyên truyền, vận động cộng đồng tham gia giáo dục

HS người DTTS bỏ học do nhiều nguyên nhân: Học yếu; GV nói to ở lớp; GV phạt HS (với HS người Mông, GV chỉ cần nói to thì các em sẽ lập tức bỏ học); bỏ học ở nhà lấy chồng, đi lao động kiếm tiền,... Khi HS bỏ học, GV đến nhà động viên các em đi học lại, nếu GV người Kinh không biết nói tiếng dân tộc thì không thể giao tiếp với bố mẹ HS mà phải nhờ cán bộ xã phiên dịch (điều này rất khó khăn trong việc chủ động của GV). Có trường hợp đúng lúc gia đình có điều cấm kị GV không biết vẫn đến nhà và khi đó đồng bào không cho vào nhà... Nếu như GV là người DTTS và là người bản địa, cùng dân tộc với HS thì vấn đề này giải quyết rất đơn giản. Hoặc việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cộng đồng các DTTS thì GV người DTTS thực hiện rất thành công vì GV có thể giao tiếp với đồng bào và hiểu được phong tục tập quán của đồng bào, gần gũi với đồng bào và chia sẻ với đồng bào.

2. Những bất cập của đội ngũ giáo viên tiểu học người dân tộc thiểu số

Đội ngũ GVTH người DTTS có vai trò quan trọng đối với giáo dục vùng dân tộc, song họ cũng còn những bất cập cần có giải pháp khắc phục:

- Do điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn và ngay cả điều kiện công tác của GV như trường, điểm trường ở xa trung tâm xã dẫn đến những điều kiện tiếp cận thông tin, khai thác thông tin để nâng cao nhận thức, phục vụ cho dạy học rất hạn chế (báo chí, mạng Internet...). Những khó khăn này đã khiến cho GV không kịp thời nắm bắt được những sự thay đổi trên nhiều khía cạnh của xã hội trong và ngoài nước trong bối cảnh hội nhập và phát triển, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao nhận thức, đổi mới phương pháp dạy học;

- Bản thân GVTH người DTTS còn hạn chế nhất về ngôn ngữ (tiếng Việt). Sự hạn chế này thể hiện qua việc nghe nói chưa chuẩn về tiếng Việt, sử dụng tiếng Việt thiếu chính xác cả về từ và nghĩa. Điều đó ảnh hưởng rất nhiều đến việc truyền đạt kiến thức cho HS, nhất là HS người DTTS;

- Mỗi dân tộc có đều có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán riêng; mỗi dân tộc có trình độ phát triển ở các mức độ khác nhau. Điều này chi phối tới khả năng tiếp nhận thông tin, năng lực sáng tạo, sự hình thành kĩ năng và thành thạo về kĩ năng của cá nhân cũng rất khác nhau ở mỗi dân tộc.

3. Một số giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên tiểu học người dân tộc thiểu số

3.1. Với cơ sở đào tạo GVTH

Các trường sư phạm cần nghiên cứu đưa vào chương trình đào tạo các nội dung nhằm khắc phục những bất cập của GVTH người DTTS:

- Đưa vào nội dung đào tạo học tiếng Việt nhằm giúp cho giáo sinh nâng cao năng lực tiếng Việt. Việc nâng cao năng lực tiếng Việt không chỉ đối với giáo sinh là người DTTS mà thực hiện cả với giáo sinh là người Kinh nhưng gia đình sinh sống ở vùng DTTS (Kinh bản địa);

- Với các cơ sở đào tạo GV ở vùng dân tộc cần tạo cơ hội để GV nâng cao nhận thức về bản sắc văn hóa, phong tục tập quán các DTTS;

- Nghiên cứu đưa nội dung tâm lí HS người DTTS vào chương trình đào tạo của nhà trường.

3.2. Với các địa phương vùng dân tộc

Các cấp ủy, chính quyền và cả hệ thống chính trị các địa phương vùng dân tộc và miền núi cần nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vị trí, vai trò của đội ngũ GVTH người DTTS đối với việc phát triển bền vững và nâng cao chất lượng giáo dục TH ở vùng dân tộc.

Vùng dân tộc, người DTTS chiếm đa số, do đó GV người DTTS phải chiếm đa số trong lực lượng GV. Vì vậy, các địa phương cần có quy hoạch, kế hoạch cụ thể để phát triển đội ngũ GVTH người DTTS. Đặc biệt là những dân tộc có vai trò chủ đạo ở mỗi vùng, mỗi địa phương (ví dụ: Vùng Tây Bắc - GV người Mường, người Thái, người Mông; vùng Tây Nguyên - GV người Jrai, Bahnar; vùng Tây Nam Bộ - GV người Khmer,...).

3.3. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn

Trong quá trình dạy học, những kiến thức mà GV được trang bị trong nhà trường chưa đủ để GV có thể thực hiện tốt nhiệm vụ dạy - học của mình. Vì vậy, việc bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV là việc làm rất cần thiết và nên thực hiện thường xuyên. Điều này đặc biệt quan trọng đối với GVTH người DTTS. Những nội dung cơ bản cần bồi dưỡng cho GV:

- *Năng lực triển khai chương trình giáo dục:* Qua bồi dưỡng giúp cho GV thấy trước và dự đoán sự phát triển nhân cách HS người DTTS; khai thác nội dung, chương trình giáo dục, thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong lớp học có HS thuộc nhiều dân tộc khác nhau; phát triển tập thể HS trong môi trường đa dân tộc, đa văn hóa; phối hợp các lực lượng giáo dục; tư vấn và đánh giá kết quả giáo dục;

- *Năng lực tổ chức dạy học:* Qua bồi dưỡng và các thiết bị công nghệ, giúp cho GV nâng cao tri thức và hiểu biết khoa học; có kĩ năng lập và thực hiện kế hoạch dạy học; sử dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp với mục tiêu dạy học và điều kiện thực tế ở vùng dân tộc và miền núi; thiết kế tình huống dạy học; lựa chọn hình thức tổ chức và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng là HS dân tộc, phù hợp với đặc điểm vùng miền và đánh giá kết quả dạy học;

- *Năng lực phát triển* (nghiên cứu, tự học, đổi mới): GV biết cách tìm hiểu HS, các lực lượng và môi trường giáo dục; chẩn đoán (sự phát triển nhân cách và kết quả dạy học); tự học; nghiên cứu khoa học; đổi mới (cách nhận thức hành động) và tự đánh giá;

- *Năng lực thiết lập mối quan hệ:* Phát triển năng lực cho GV về xây dựng mối quan hệ GV - HS; GV - GV; GV - hiệu trưởng; GV - cha mẹ HS; GV với cộng đồng,... và hiểu rõ nguyên tắc xuyên suốt trong các mối quan hệ này là mục tiêu giáo dục.

3.4. Xây dựng môi trường làm việc cho GV

Môi trường tốt động viên được tinh thần làm việc sáng tạo của GV và có tác động tích cực tới việc nâng cao chất lượng giáo dục. Môi trường làm việc của GV gồm:

- *Môi trường tinh thần* bao gồm: Môi trường HS; môi trường GV (đồng nghiệp); môi trường giáo dục nhà trường (tập thể sư phạm); môi trường các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường (Đoàn đội, Công đoàn, Chi bộ...); môi trường chính sách (quy định, quy chế, chính sách...) và môi trường xã hội (phụ huynh, cộng đồng các dân tộc ở địa phương);

- *Môi trường vật chất* bao gồm: Môi trường vật chất nhà trường (trường, lớp học; phòng chuyên môn, nhà công vụ, nhà ăn, công trình nước sạch, nhà vệ sinh...); môi trường thông tin nhà trường (tài liệu, sách giáo khoa, sách GV, thư viện, kết nối Internet,...) và môi trường tự nhiên (thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển, khí quyển) ở địa phương.

Thực hiện tốt các yếu tố nêu trên sẽ tạo ra một môi trường làm việc tích cực. Trong môi trường làm việc tích cực GV yêu thích công việc mình đang làm; có điều kiện này sinh những ý tưởng có giá trị; sáng tạo của GV được khuyến khích, động viên; GV cảm thấy được đánh giá cao; công việc phù hợp với kĩ năng của

GV; quản lí thân thiện dễ tiếp cận; có chỗ cho GV phát triển; GV được ghi nhận khi bạn làm tốt công việc; GV cảm thấy như một phần của một tập thể; GV mong muốn được đến làm việc; công việc dạy học là niềm vui đối với GV; ý kiến của GV được lắng nghe.

Kết luận

Tóm lại, đội ngũ GVTH người DTTS là lực lượng quan trọng trong thực hiện nội dung, chương trình giáo dục TH ở vùng dân tộc; là lực lượng góp phần đảm bảo cho giáo dục ở vùng dân tộc phát triển bền vững. Do vậy, việc xây dựng và phát triển đội ngũ GVTH người DTTS ổn định về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng; đồng bộ về cơ cấu đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục vùng dân tộc và miền núi là yêu cầu khách quan trong phát triển giáo dục trong hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Hà Đức Đà (2013), *Đổi mới tư duy về phát triển đội ngũ giáo viên người dân tộc thiểu số ở vùng dân tộc và miền núi*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, tháng 3 năm 2013.
3. Phan Văn Kha (2011), *Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế*, Kỷ yếu Hội thảo "Đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục Việt Nam", Hà Nội.
4. Quyết định 771/QĐ-TTg, ngày 13/6/2012, phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 - 2020".
5. Quyết định 6639/QĐ-BGDĐT, ngày 29/12/2011, phê duyệt "Quy hoạch phát triển nhân lực ngành giáo dục giai đoạn 2011 - 2020".

SUMMARY

Being fully aware of position and role of ethnic minority teachers with regard to raising quality of education in ethnic minority regions and their shortcomings will help arrive at solutions to enhance capacity for ethnic minority teachers. This is a crucial requirement set forth by renovation of education in ethnic minority region. In this paper, the author has mentioned these above issues faced by primary teachers of ethnic minority background. Building and developing a contingent of primary teachers of ethnic minority background that is stable in quantity, achieves standards in quality, and is uniform in structure in response to educational practice in mountainous areas is an objective request in the course of present and future education development.